

BIỂU GIAO KẾ HOẠCH MỞ CÁC LỚP XÓA MÙ CHỮ NĂM 2024																
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Bắc Quang)																
TT	Tên xã, thị trấn	Thực trạng người mù chữ trong độ tuổi từ 15-60 của các xã, thị trấn đến thời điểm tháng 12 năm 2023 (Số liệu được lấy trên hệ thống phần mềm thống kê PCGD năm 2023 của huyện Bắc Quang)								Kế hoạch giao các lớp xóa mù chữ năm 2024						Ghi chú
		Dân số từ 15 - 60 tuổi (người)				Dân số từ 15 - 60 tuổi mù chữ (người)				Tổng số lớp	Tổng số học viên	Lớp xóa mù chữ				
												Giai đoạn 1 (tương ứng lớp 1,2,3)		Giai đoạn 2 (tương ứng lớp 4,5)		
						Mức độ 1 (Chưa hoàn thành lớp 3)		Mức độ 2 (Chưa hoàn thành lớp 5)				Lớp	Học viên	Lớp	Học viên	
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ							
1	Thị trấn Việt Quang	10747	5332	4722	2457	12	0,11	188	1,75							
2	Thị trấn Vĩnh Tuy	2536	1308	199	120			10	0,39							
3	Xã Bằng Hành	3467	1689	3373	1637	6	0,17	158	4,56							
4	Xã Hùng An	6589	3238	3301	1620											
5	Xã Hữu Sản	1891	899	1872	885			165	8,73							
6	Xã Kim Ngọc	3113	1467	2403	1135	5	0,16	188	6,04							
7	Xã Liên Hiệp	3187	1496	3042	1428	5	0,16	41	1,29							
8	Xã Quang Minh	7179	3390	6766	3181	7	0,10	72	1,00							
9	Xã Tân Lập	1710	813	1686	800	34	1,99	400	23,39	4	120			4	120	
10	Xã Tân Quang	4303	2085	895	430	56	1,30	208	4,83							
11	Xã Tân Thành	2545	1279	1662	846	6	0,24	499	19,61	4	120			4	120	
12	Xã Thượng Bình	1472	718	1461	713	8	0,54	338	22,96	3	100			3	100	
13	Xã Tiên Kiều	2878	1394	2784	1345	2	0,07	55	1,91							
14	Xã Việt Hồng	1896	924	1736	847	40	2,11	152	8,02							
15	Xã Việt Vinh	3917	1897	3014	1492	53	1,35	273	6,97							
16	Xã Vĩnh Hào	3983	1880	2598	1242	53	1,33	239	6,00							
17	Xã Vĩnh Phúc	5964	2864	4281	2079	8	0,13	413	6,92							
18	Xã Vô Diêm	4078	1977	3858	1877	8	0,20	189	4,63							
19	Xã Đồng Tâm	3201	1526	2800	1325			283	8,84							
20	Xã Đông Thành	1673	733	1296	565			128	7,65							
21	Xã Đồng Tiến	1553	746	1503	727			258	16,61	2	50			2	50	
22	Xã Đồng Yên	5739	2719	4298	2025	7	0,12	399	6,95							
23	Xã Đức Xuân	1775	865	1761	861	42	2,37	136	7,66							
Cộng:		85.396	41.239	61.311	29.637	352	0,41	4.792	5,61	13	390	0	0	13	390	